

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Hoa

Ông Nguyễn Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Phương H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

Hiện đang chấp hành án tại: Đội H, phân trại số 02, trại giam Hồng Ca.

Địa chỉ: Xã K, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Phương H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau là

hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 29/09/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 04/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P chơi bời không chăm lo cho gia đình, phá tài sản của gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi không về. Vì nghĩ anh P còn trẻ nên sẽ thay đổi nên tôi chưa làm đơn ly hôn. Đến cuối năm 2018 anh P bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xử 04 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Hiện nay anh P đang thi hành án tại trại giam Hồng Ca. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh P.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/05/2011; Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/08/2013. Hiện nay hai con đang sống cùng tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay đi làm thuê, ai thuê gì thì làm đó, một tháng thu nhập được từ 7.000.000đồng đến 8.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Tôi và chị H kết hôn với nhau vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hòa thuận, không xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống tại thôn X, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cho đến năm 2018 thì tôi bị bắt về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt tôi 04 năm tù. Thì vợ chồng tôi bắt đầu bất đồng quan điểm. Trong quá trình chấp hành án ở Trại giam Hồng Ca thì thoảng vợ tôi vẫn xuống thăm tôi. Nay vợ tôi có đơn xin ly hôn bản thân tôi hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/05/2011; Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/08/2013. Do hiện nay tôi đang chấp hành án nên vợ tôi nhận nuôi hai con tôi hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trương Thị Phương H được ly hôn anh Nguyễn Văn P. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/05/2011 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/08/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Phương H và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 29 tháng 09 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh P đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị H cho rằng do anh P chơi bời không chăm lo cho gia đình, phá tài sản của gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi không về và sau đó vi phạm pháp luật. Còn anh P cho rằng năm 2018 thì anh bị bắt về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt tội 04 năm tù thì vợ chồng tôi bắt đầu bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh P hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh P đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/05/2011; Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/08/2013. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P hoàn toàn nhất trí. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thu T cho chị H nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Phương H được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/05/2011; Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/08/2013.

Xử giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/05/2011 và cháu Nguyễn Thu T, sinh ngày 27/08/2013 cho chị Trương Thị Phương H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Phương H phải chịu 300.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001302 ngày 09/11/2021 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng